**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN XUYÊN MỘC**
TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/DS-ST
Ngày: 13/6/2019
*"V/v tranh chấp di sản thừa kế"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC,**
**TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thúy

*Các Hội thẩm nhân dân*: - Ông Nguyễn Ngọc Khanh

- Ông Dương Đình Luật

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Phùng Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên toà:*** Ông Đỗ Đình Luyến

Ngày 13 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 51/2018/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2018 về việc: *"Tranh chấp di sản thừa kế"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐST–DS ngày 06 tháng 5 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2019/QĐST-DS ngày 27/5/2019, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: - Bà Huỳnh Thị Thanh Tr, sinh năm: 1972 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh BR – VT

- Bà Huỳnh Thị Thanh T, sinh năm: 1974 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh BR – VT.

Bị đơn: Ông Huỳnh Quang T, sinh năm: 1965 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh BR – VT

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 5 năm 2018, bản khai, biên bản hòa giải, biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thanh T và bà Huỳnh Thị Thanh Tr trình bày:***

Ông Huỳnh Văn Th, sinh năm: 1923 và bà Trần Thị Th, sinh năm: 1935 là vợ chồng. Ông Th và bà Th có tất cả 03 người con chung là: Huỳnh Quang T, sinh năm 1965; Huỳnh Thị Thanh Tr, sinh năm 1972 và Huỳnh Thị Thanh T, sinh năm: 1974,

ngoài ra không có con riêng. Ông Th mất năm 2004 và bà Th mất năm 2017, khi mất có để lại một số di sản gồm:

- Phần đất có diện tích 754m$^2$, trong đó có 122m$^2$ đất thổ cư; 562m$^2$ đất cây lâu năm và 70m$^2$ đất lộ giới, thuộc thửa 654 (654, 963) tờ bản đồ số 04 xã Xuyên Mộc, huyện Xuyên Mộc, tỉnh BR – VT. Đất đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất số: AG700254 ngày 13/12/2006, do bà Trần Thị Th đứng tên. Trên đất có một nhà xây cấp 4 cũng do bà Th xây dựng.

- Phần đất ruộng có diện tích 9.009m$^2$ gồm 25 thửa, tờ bản đồ số 21 xã Phước Long Thọ, huyện Đất Đỏ, tỉnh BR – VT. Đất đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất số: AN459059 ngày 31/7/2009, do bà Trần Thị Th đứng tên.

- Số tiền 884.259.030đ (tám trăm tám mươi bốn triệu, hai trăm năm mươi chín ngàn, không trăm ba mươi đồng) là tiền bồi thường, hỗ trợ do UBND huyện thu hồi diện tích 1.329m$^2$ thuộc thửa 429 (429, 458) và diện tích 770m$^2$ thuộc thửa 431 tờ bản đồ số 12 xã Xuyên Mộc, huyện Xuyên Mộc theo quyết định thu hồi đất số: 3776/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 và quyết định số: 522/QĐ-UBND ngày 09/02/2018 của UBND huyện Xuyên Mộc.

Bà Th mất không để lại di chúc, trước khi mất thì bà Th đã chia cho ông T, bà Tr và bà T mỗi người một phần đất bằng nhau để canh tác. Phần được chia này ông T, bà Tr và bà T đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sử dụng ổn định từ đó cho đến nay không tranh chấp gì. Riêng những phần di sản mà bà Tr và bà T nêu trên là chưa chia.

Tại phiên Tòa, bà Tr và bà T yêu cầu Tòa án phân chia phần di sản của bà Th để lại là phần đất ruộng có diện tích sau khi đo vẽ thực tế là 8613m$^2$ (theo sơ đồ vị trí thửa đất ngày 10/8/2018 của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đất Đỏ); gồm các thửa: 357, 358, 391, 392, 423, 393, 394, 424, 425, 456, 484, 332, 333, 334, 336, 359, 360, 361, 362, 335, 363, 364, 395, 396 và 426 tờ bản đồ số 21 xã Phước Long Thọ, huyện Đất Đỏ và số tiền 884.259.030đ (tám trăm tám mươi bốn triệu, hai trăm năm mươi chín ngàn, không trăm ba mươi đồng) nói trên thành 03 phần, ông T, bà Tr và bà T mỗi người được hưởng 01 phần. Riêng diện tích 8613m$^2$ đất nói trên thì yêu cầu phân chia bằng hiện vật để ai cũng có đất để canh tác. Trong quá trình phân chia, nếu người nào nhận được phần diện tích đất ít hơn thì đồng ý không yêu cầu người được nhận phần nhiều hơn thanh toán lại giá trị chênh lệch. Đối với phần đất có diện tích 754m$^2$ thuộc thửa 654 (654, 963) tờ bản đồ số 04 xã Xuyên Mộc thì bà T và bà Tr đề nghị Hội đồng xét xử cho bà T và bà Tr rút không yêu cầu Tòa án giải quyết mà để bà T, bà Tr và ông T tự thỏa thuận giải quyết.

Các khoản chi phí tố tụng như: chi phí đo vẽ đất tranh chấp, chi phí thẩm định và định giá tài sản bà Tr và bà T tự nguyện chịu không yêu cầu ông T phải trả lại cho bà Tr và bà T.

**** Tại biên bản lấy lời khai ngày 19 tháng 7 năm 2018, tại biên bản hòa giải bị đơn ông Huỳnh Quang T trình bày:***

Ông Huỳnh Quang T là con của ông Huỳnh Văn Th, sinh năm: 1923 và bà Trần Thị Th, sinh năm: 1935, Ông Th mất năm 2004 và bà Th mất năm 2017. Ông Th và bà Th có tất cả 03 người con chung là: Huỳnh Quang T, sinh năm 1965; Huỳnh Thị Thanh Tr, sinh năm 1972 và Huỳnh Thị Thanh T, sinh năm: 1974, ngoài ra không có con riêng.

Bà Th mất không để lại di chúc nhưng có để lại một số di sản như bà T và bà Tr đã trình bày. Ông T yêu cầu được quyền sở hữu phần diện tích 754m$^2$ thuộc thửa 654 (654, 963) tờ bản đồ số 04 xã Xuyên Mộc, huyện Xuyên Mộc và căn nhà cấp 4 trên đất. Riêng phần diện tích 9.009m$^2$ (diện tích sau khi đo vẽ thực tế là 8613m$^2$ ) gồm 25 thửa, tờ bản đồ số 21 xã Phước Long Thọ, huyện Đất Đỏ và số tiền 884.259.030đ (tám trăm tám mươi bốn triệu, hai trăm năm mươi chín ngàn, không trăm ba mươi đồng). Ông T đồng ý chia phần đất diện tích 8613m$^2$ và số tiền 884.259.030đ nói trên làm 03 phần, ông T bà Tr và bà T mỗi người được hưởng một phần, đất thì chia theo hiện vật.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc phát biểu quan điểm:*

*Về trình tự, thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, về cơ bản Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng tư cách pháp lý và mối liên hệ giữa những người tham gia tố tụng, cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đầy đủ. Tuy nhiên, còn vi phạm thời hạn đưa vụ án ra xét xử cần phải rút kinh nghiệm. Bị đơn ông Huỳnh Quang T mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Về nội dung giải quyết vụ án*: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc yêu cầu phân chia di sản thừa kế của bà Trần Thị Th là mẹ của bà Tr, bà T và ông T để lại. Cụ thể là phần đất có diện tích sau khi đo vẽ thực tế là 8613m$^2$ (theo sơ đồ vị trí thửa đất ngày 10/8/2018 của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đất Đỏ) và số tiền 884.259.030đ (tám trăm tám mươi bốn triệu, hai trăm năm mươi chín ngàn, không trăm ba mươi đồng) làm ba phần cho bà Tr, bà T và ông T mỗi người một phần thì thấy, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận di sản nói trên là đúng và di sản này chưa được phân chia theo quy định nên có cơ sở chấp nhận; Xét

việc xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần diện tích 754m$^2$ thuộc thửa 654 (654, 963) tờ bản đồ số 04 xã Xuyên Mộc, huyện Xuyên Mộc và căn nhà cấp 4 trên đất thì thấy, việc rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện, bị đơn cũng không có ý kiến gì và yêu cầu gì về việc rút yêu cầu của nguyên đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Các khoản chi phí tố tụng nguyện đơn tự nguyện chịu nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc nhận định:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Bà Huỳnh Thị Thanh T và Huỳnh Thị Thanh Tr khởi kiện ông Huỳnh Văn Tiễn để yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của bà Trần Thị Th để lại nên xác định đây là vụ án *"Tranh chấp di sản thừa kế"* theo quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, ông Huỳnh Quang T trú tại ấp Nhân Thuận, xã Xuyên Mộc, huyện Xuyên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu, theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về thời hiệu khởi kiện*: Người để lại di sản thừa kế là bà Trần Thị Th, sinh năm 1935, chết năm 2017, nguyên đơn nộp đơn khởi kiện và được Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc thụ lý vào năm 2018 là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 623 của Bộ luật Dân sự năm 2015

[3]. *Về sự vắng mặt của đương sự:* Bị đơn ông Huỳnh Quang T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng ông T đều vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo luật định.

[4]. *Về áp dụng luật:* Căn cứ theo trích lục khai tử số 698/TLKT-BS ngày 06/9/2017 của Ủy ban nhân dân xã Xuyên Mộc thì xác định được bà Trần Thị Th mất vào ngày 28/8/2017. Như vậy bà Th mất sau ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án theo quy định.

[5]. *Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu phân chia di sản thừa kế của bà Trần Thị Th để lại:*

[5.1]. Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thống nhất các tình tiết, sự kiện sau: Ông Huỳnh Văn Th, sinh năm: 1923 và bà Trần Thị Th, sinh năm: 1935 là vợ chồng. Ông Th và bà Th có tất cả 03 người con chung là: Huỳnh Quang T;

Huỳnh Thị Thanh Tr và Huỳnh Thị Thanh T, ngoài ra không có con riêng. Ông Th mất năm 2004 và bà Th mất năm 2017, khi mất có để lại một số di sản gồm:

- Phần đất có diện tích 754m$^2$ thuộc thửa 654 (654, 963) tờ bản đồ số 04 xã Xuyên Mộc, huyện Xuyên Mộc, tỉnh BR – VT. Trên đất có một nhà xây cấp 4 cũng do bà Th xây dựng.

- Phần đất ruộng có diện tích 8613m$^2$ (theo sơ đồ vị trí thửa đất ngày 10/8/2018 của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đất Đỏ); gồm các thửa: 357, 358, 391, 392, 423, 393, 394, 424, 425, 456, 484, 332, 333, 334, 336, 359, 360, 361, 362, 335, 363, 364, 395, 396 và 426 tờ bản đồ số 21 xã Phước Long Thọ, huyện Đất Đỏ.

- Số tiền 884.259.030đ (tám trăm tám mươi bốn triệu, hai trăm năm mươi chín ngàn, không trăm ba mươi đồng) là tiền bồi thường, hỗ trợ do UBND huyện thu hồi diện tích 1.329m$^2$ thuộc thửa 429 (429, 458) và diện tích 770m$^2$ thuộc thửa 431 tờ bản đồ số 12 xã Xuyên Mộc, huyện Xuyên Mộc theo quyết định thu hồi đất số: 3776/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 và quyết định số: 522/QĐ-UBND ngày 09/02/2018 của UBND huyện Xuyên Mộc.

Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5.2]. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 15/01/2019, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thanh T và Huỳnh Thị Thanh Tr làm đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện và tại phiên tòa hai nguyên đơn giữ nguyên đề nghị rút yêu cầu khởi kiện đối với phần đất có diện tích 754m$^2$ thuộc thửa 654 (654, 963) tờ bản đồ số 04 xã Xuyên Mộc, huyện Xuyên Mộc. Nguyên đơn đề nghị để nguyên đơn và bị đơn tự thỏa thuận giải quyết. Bị đơn ông Huỳnh Quang T cũng không có ý kiến gì về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với diện tích 754m$^2$ thuộc thửa 654 (654, 963) tờ bản đồ số 04 xã Xuyên Mộc là phù hợp với khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5.3]. Xét yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn:

Ông Huỳnh Văn Th và bà Trần Thị Th là vợ chồng hợp pháp, Ông Th và bà Th có 03 con chung là ông T, bà Tr và bà T. Ông Th mất năm 2004, bà Th mất năm 2017, ba mẹ của Ông Th và bà Th đều mất trước khi Ông Th và bà Th mất. Căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của bà Th là ông T, bà Tr và bà T.

Về di sản thừa kế của bà Trần Thị Th để lại và nguyên đơn yêu cầu phân chia theo quy định của pháp luật là:

- Phần đất ruộng có diện tích 8613m$^2$ (theo sơ đồ vị trí thửa đất ngày 10/8/2018 của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đất Đỏ); gồm các thửa: 357, 358, 391, 392, 423, 393, 394, 424, 425, 456, 484, 332, 333, 334, 336, 359, 360, 361, 362, 335, 363, 364, 395, 396 và 426 tờ bản đồ số 21 xã Phước Long Thọ, huyện Đất Đỏ. Đất đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất số: AN459059 ngày 31/7/2009, do bà Trần Thị Th đứng tên.

- Số tiền 884.259.030đ (tám trăm tám mươi bốn triệu, hai trăm năm mươi chín ngàn, không trăm ba mươi đồng) là tiền bồi thường, hỗ trợ do UBND huyện thu hồi diện tích 1.329m$^2$ thuộc thửa 429 (429, 458) và diện tích 770m$^2$ thuộc thửa 431 tờ bản đồ số 12 xã Xuyên Mộc, huyện Xuyên Mộc theo quyết định thu hồi đất số: 3776/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 và quyết định số: 522/QĐ-UBND ngày 09/02/2018 của UBND huyện Xuyên Mộc.

Do bà Th mất không để lại di chúc vì vậy bà Tr, bà T và ông T
là hàng thừa kế thứ nhất theo Bộ luật Dân sự  vì vậy bà Tr và bà T yêu cầu chia thừa kế của bà Th là có cơ sở chấp nhận.

[5.4]. Về giá trị tài sản:

Tại biên bản định giá ngày 18/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ thì phần đất tranh chấp có giá là 70.000đ/1m$^2$

8613m$^2$ x 70.000đ = 602.910.000đ (sáu trăm lẻ hai triệu, chín trăm mười ngàn đồng).

Từ phân tích tại các điểm [5.1] đến [5.4] thì xác định được di sản thừa kế của bà Th để lại được phân chia cụ thể như sau:

* Đối với phần đất có diện tích 8.613m$^2$ (theo sơ đồ vị trí thửa đất ngày 10/8/2018 của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đất Đỏ) được phân chia làm 03 phần cụ thể như sau:

- Ông Huỳnh Quang T được nhận phần di sản có diện tích 3.196m$^2$ gồm các thửa: 335; một phần thửa 336 (116m$^2$); 361; 362; 363; 364; 396; 426 và 484 tờ bản đồ số 21 xã Phước Long Thọ, huyện Đất Đỏ. Giá trị của phần di sản là: 3.196m$^2$ x 70.000đ = 223.720.000đ

- Bà Huỳnh Thị Thanh T được nhận phần di sản có diện tích 2.885m$^2$ gồm các thửa: 334; một phần thửa 336 (51m$^2$); 359; 360; 394; 395; 424; 425 và 456 tờ bản đồ số 21 xã Phước Long Thọ, huyện Đất Đỏ. Giá trị của phần di sản là: 2.885m$^2$ x 70.000đ = 201.950.000đ

- Bà Huỳnh Thị Thanh Tr được nhận phần di sản có diện tích 2.532m$^2$ gồm các thửa: 332; 333; 357; 358; 391; 392; 393 và 423 tờ bản đồ số 21 xã Phước Long Thọ, huyện Đất Đỏ. Giá trị của phần di sản là: 2.532m$^2$ x 70.000đ = 177.240.000đ

* Đối với số tiền 884.259.030đ (tám trăm tám mươi bốn triệu, hai trăm năm mươi chín ngàn, không trăm ba mươi đồng) được phân chia làm 03 phần cụ thể: 884.259.030đ : 3 = 294.753.010đ (hai trăm chím mươi bốn triệu, bảy trăm năm mươi ba ngàn, không trăm mười đồng), ông T, bà Tr và bà T mỗi người được nhận 294.753.010đ (hai trăm chín mươi bốn triệu, bảy trăm năm mươi ba ngàn, không trăm mười đồng)

Tổng giá trị di sản ông Huỳnh Quanh Tiễn được nhận là: 223.720.000đ + 294.753.010đ = 518.473.010đ (năm trăm mười tám triệu, bốn trăm bảy mươi ba ngàn, không trăm mười đồng).

Tổng giá trị di sản bà Huỳnh Thị Thanh T được nhận là: 209.950.000đ + 294.753.010đ = 504.703.010đ (năm trăm lẻ bốn triệu, bảy trăm lẻ ba ngàn, không trăm mười đồng).

Tổng giá trị di sản bà Huỳnh Thị Thanh Tr được nhận là: 177.240.000đ + 294.753.010đ = 471.993.010đ (bốn trăm bảy mươi mốt triệu, chín răm chín mươi ba ngàn, không trăm mười đồng)

[6]. Về chi phí đo vẽ và định giá tài sản, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thanh T và Huỳnh Thị Thanh Tr tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần di sản được hưởng thừa kế.

[8]. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH**:

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm i khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 609; Điều 611; Điều 612; Điều 613; Điều 623; Điều 649; Điều 650 và Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015

- Căn cứ vào Điều 46, Điều 49, Điều 50, Điều 52, Điều 105 và Điều 106 của Luật đất đai năm 2003;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thanh Trung và bà Huỳnh Thanh Tín đối với bị đơn ông Huỳnh Quang T, về việc phân chia di sản thừa kế là phần đất có diện tích 754m$^2$ thuộc thửa 654 (654, 963) tờ

bản đồ số 04 xã Xuyên Mộc, huyện Xuyên Mộc, tỉnh BR – VT. Trên đất có một nhà xây cấp 4 do bà Th xây dựng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thanh Trung và bà Huỳnh Thanh Tín đối với bị đơn ông Huỳnh Quang T, về việc phân chia di sản thừa kế là phần đất có diện tích 8.613m$^2$ và số tiền 884.259.030đ (tám trăm tám mươi bốn triệu, hai trăm năm mươi chín ngàn, không trăm ba mươi đồng)

- Bà Huỳnh Thanh Trung được hưởng thừa kế theo pháp luật phần di sản do bà Trần Thị Th để lại gồm: Phần đất có diện tích 2.532m$^2$ gồm các thửa: 332; 333; 357; 358; 391; 392; 393 và 423 tờ bản đồ số 21 xã Phước Long Thọ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (theo sơ đồ vị trí thửa đất ngày 10/8/2018 của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đất Đỏ). Đất đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất số: AN459059 ngày 31/7/2009, do bà Trần Thị Th đứng tên. Và số tiền 294.753.010đ (hai trăm chín mươi bốn triệu, bảy trăm năm mươi ba ngàn, không trăm mười đồng) là tiền bồi thường, hỗ trợ do UBND huyện thu hồi diện tích 1.329m$^2$ thuộc thửa 429 (429, 458) và diện tích 770m$^2$ thuộc thửa 431 tờ bản đồ số 12 xã Xuyên Mộc, huyện Xuyên Mộc theo quyết định thu hồi đất số: 3776/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 và quyết định số: 522/QĐ-UBND ngày 09/02/2018 của UBND huyện Xuyên Mộc.

- Bà Huỳnh Thanh Tín được hưởng thừa kế theo pháp luật phần di sản do bà Trần Thị Th để lại gồm: Phần đất có diện tích 2.885m$^2$ gồm các thửa: 334; một phần thửa 336 (51m$^2$); 359; 360; 394; 395; 424; 425 và 456 tờ bản đồ số 21 xã Phước Long Thọ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (theo sơ đồ vị trí thửa đất ngày 10/8/2018 của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đất Đỏ). Đất đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất số: AN459059 ngày 31/7/2009, do bà Trần Thị Th đứng tên. Và số tiền 294.753.010đ (hai trăm chín mươi bốn triệu, bảy trăm năm mươi ba ngàn, không trăm mười đồng) là tiền bồi thường, hỗ trợ do UBND huyện thu hồi diện tích 1.329m$^2$ thuộc thửa 429 (429, 458) và diện tích 770m$^2$ thuộc thửa 431 tờ bản đồ số 12 xã Xuyên Mộc, huyện Xuyên Mộc theo quyết định thu hồi đất số: 3776/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 và quyết định số: 522/QĐ-UBND ngày 09/02/2018 của UBND huyện Xuyên Mộc.

- Ông Huỳnh Quang T được hưởng thừa kế theo pháp luật, phần di sản do bà Trần Thị Th để lại gồm: Phần đất có diện tích 3.196m$^2$ gồm các thửa: 335; một phần thửa 336 (116m$^2$); 361; 362; 363; 364; 396; 426 và 484 tờ bản đồ số 21 xã Phước Long Thọ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (theo sơ đồ vị trí thửa đất ngày 10/8/2018 của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đất Đỏ). Đất đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất số: AN459059 ngày 31/7/2009, do bà Trần Thị Th đứng tên. Và số tiền 294.753.010đ (hai trăm chín mươi bốn triệu, bảy trăm năm mươi ba

ngàn, không trăm mười đồng) là tiền bồi thường, hỗ trợ do UBND huyện thu hồi diện tích 1.329m$^2$ thuộc thửa 429 (429, 458) và diện tích 770m$^2$ thuộc thửa 431 tờ bản đồ số 12 xã Xuyên Mộc, huyện Xuyên Mộc theo quyết định thu hồi đất số: 3776/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 và quyết định số: 522/QĐ-UBND ngày 09/02/2018 của UBND huyện Xuyên Mộc.

Bà Huỳnh Thanh Trung; bà Huỳnh Thanh Tín và ông Huỳnh Quang T được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để tiến hành các thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất và liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để nhận số tiền mà các ông, bà được hưởng thừa kế của bà Trần Thị Th như đã nêu trên theo quy định.

3. Về chi phí đo vẽ và định giá tài sản: nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thanh T và Huỳnh Thị Thanh Tr tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Huỳnh Quang T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 24.738.920đ (Hai mươi bốn triệu, bảy trăm ba mươi tám ngàn, chín trăm hai mươi đồng).

- Bà Huỳnh Thị Thanh Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 22.879.720đ (Hai mươi hai triệu, tám trăm bảy mươi chín ngàn, bảy trăm hai mươi đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Tr đã nộp là 14.131.942đ (Mười bốn triệu, một trăm ba mươi mốt ngàn, chín trăm bốn mươi hai đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001681 ngày 05/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc. Bà Tr còn phải nộp 8.747.778đ (tám triệu, bảy trăm bốn mươi bảy ngàn, bảy trăm bảy mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Bà Huỳnh Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 24.188.160đ (Hai mươi bốn triệu, một trăm tám mươi tám ngàn, một trăm sáu mươi đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 14.131.942đ (Mười bốn triệu, một trăm ba mươi mốt ngàn, chín trăm bốn mươi hai đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001681 ngày 05/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc. Bà T còn phải nộp 10.056.218đ (Mười triệu, không trăm năm mươi sáu ngàn, hai trăm mười tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

5. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận**:*
*- TAND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu*
*- VKSND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu*
*- VKS ND huyện Xuyên Mộc;*
*- THADS huyện Xuyên Mộc;*
*- Các đương sự;*
*- Lưu hồ sơ*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thúy**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN  THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thúy**